TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Quý Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Viết Tân.
2. Bà Đặng Hoàng Ái Thụy.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế (Số A L, xã P, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2026/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh S, sinh ngày 24/3/1998; số căn cước công dân: 066198016738, cấp ngày 12/8/2021. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh ngày 15/6/1996, số căn cước công dân: 046096006733, cấp ngày 15/02/2023; Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2025, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Phan Thị Thanh S trình bày:

Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Khoảng tháng 8 năm 2024, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vả, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ

chồng sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H có 01 người con chung tên là Lê Hoàng Khánh L, sinh ngày 12/01/2022. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Khánh L đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu L đang ở với chị S và do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại chị S làm nghề thợ may, thu nhập trung bình mỗi tháng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Phan Thị Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Văn H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh H, quá thời hạn quy định mà anh H vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tống đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh S được ly hôn với anh Lê Văn H; giao người con tên là Lê Hoàng Khánh L, sinh ngày 12/01/2022 cho chị Phan Thị Thanh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn H không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Phan Thị Thanh S, anh Lê Văn H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Phan Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Lê Văn H vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H.

Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn H, có nơi cư trú tại Tổ E, thôn T, xã P, thành phố H; Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H sau khi tìm hiểu nhau, đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh H đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh H không đến, chứng tỏ, anh H không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thanh S được ly hôn với anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H có 01 người con chung tên là Lê Hoàng Khánh L, sinh ngày 12/01/2022. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chị S và anh H sống ly thân, cháu Lê Hoàng Khánh L do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cuộc sống của cháu L vẫn ổn định về mọi mặt. Xét chị S có thu nhập ổn định, nên để đảm bảo tiếp tục cuộc sống ổn định tâm lý, lẫn tinh thần và vật chất cho cháu L phát triển bình thường, do đó, chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu L cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2026; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh S được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Khánh L, sinh ngày 12/01/2022 cho chị Phan Thị Thanh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Phan Thị Thanh S và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan Thị Thanh S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001586 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị S đã nộp đủ.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Thị hành án dân sự thành phố Huế;
- Phòng THA dân sự khu vực 4- Huế;
- UBND xã Tân Tiến, tỉnh Đắk Lắk, đăng ký kết hôn số 53, ngày 21/12/2021;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quý Vân